

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 320/QĐ-BQP

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2020

THƯỜNG QUÂN SỰ QK7	
Số đến:	1674
Ngày:	03 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết
giáo dục quốc phòng và an ninh**

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ khoản 2, Điều 41 Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐT BXH ngày 05/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học;

Sau khi thống nhất với Bộ Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 1522/BGDĐT-GDQPAN ngày 05/5/2020); Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Công văn số 1894/LĐT BXH-TCGDNN ngày 29/5/2020).

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng tại Công văn số 1809/TM-VP ngày 22 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung danh sách các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học liên kết với các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh để thực hiện môn học giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên (theo Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐT BXH ngày 05/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học) có phụ lục kèm theo.

Điều 2. Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh chủ trì, phối hợp với trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này thực hiện liên kết môn học giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan phối hợp triển khai thực hiện;

Bộ Tổng Tham mưu, các cơ quan, đơn vị liên quan, Hiệu trưởng (Giám đốc) các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Ming*

Nơi nhận:

- Chủ tịch HDGDQP&ANTW (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ, ngành Trung ương (để phối hợp thực hiện);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW (để phối hợp thực hiện);
- Quân khu: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9 và BTLTĐHN;
- BTLTPHCM, Bộ CHQS các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- C20, C50, C57;
- Vụ GDQP&AN/BGD&ĐT;
- Tổng Cục GDNN/BLĐTB&XH;
- 32 trung tâm GDQP&AN;
- Lưu: VT, NC.H239.



Thượng tướng Phan Văn Giang



DANH SÁCH LIÊN KẾT
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

(Kèm theo Quyết định số 320/QĐ-BQP ngày 25 tháng 7 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
1	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội	1	Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội	250 - 300
		2	Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam	500 - 550
		3	Trường ĐH PHENIKAA	300- 350
		4	Trường ĐH Luật Hà Nội	1.000 - 1.100
		5	Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội	1.800 - 1.900
		6	Trường ĐH Đông Đô	3.000 - 3.100
		7	Trường ĐH Sư phạm nghệ thuật Trung ương	500 - 550
		8	Trường Đại học Hà Nội	2.600 – 2.700
		9	Trường ĐH Mỹ thuật công nghiệp	400 - 450
		10	Học viện Kỹ thuật Mật mã	500 - 550
		11	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2.400 - 2.500
		12	Học viện Tòa án	200 - 250
		13	Trường ĐH Kiểm sát Hà Nội	50 - 100
		14	Trường ĐH Thăng Long	50 - 100
		15	Trường CĐ Nghệ thuật Hà Nội	80 - 150
		16	Trường CĐ Xây dựng số 1	50 - 100
		17	Trường CĐ Nông nghiệp và Phát triển NT Bắc Bộ	50 - 100
		18	Trường CĐ Nghề Nguyễn Trãi	50 - 100
		19	Trường CĐ Nghề Kỹ thuật Công nghệ - Kinh tế Simco Sông Đà	50- 100
		20	Trường CĐ Cộng đồng Hà Tây	50 - 100
		21	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật thương mại	200 - 250
		22	Trường CĐ Thực hành FPT Polytechnic	4.000 - 4.100
		23	Trường CĐ Quốc tế BTEC FPT	50 - 100
		24	Trường CĐ nghề Kỹ thuật và Nghiệp vụ Hà Nội	50 - 100
		25	Trường CĐ Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	50 - 100

Handwritten signature

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		26	Trường CĐ Kinh tế Kỹ Thuật và Công Nghệ	50 - 100
		27	Trường CĐ Y Hà Nội I	100 - 150
		28	Trường CĐ Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	100 - 150
		28 (ĐH: 14, CĐ: 14); Lưu lượng SV: 18.480 – 20.200		
2	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	1	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2	1.200 - 1.300
		2	Trường ĐH Ngoại thương	3.000 - 3.100
		3	Trường ĐH Dân lập Phương Đông	1.300 - 1.400
		4	Trường ĐH Thương mại	4.000 - 4.100
		5	Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	1.000 - 1.100
		6	Trường ĐH Anh quốc	50 - 100
		7	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân (CT tiên tiến)	1.500 - 1.550
		8	Trường ĐH FPT	2.200 - 2.300
		9	Trường CĐ Công nghiệp và Thương mại	100 - 150
		10	Trường CĐ Vĩnh Phúc	50 - 100
		11	Trường CĐ Điện lực Miền Bắc	50 - 100
		12	Trường CĐ Công nghệ và Kinh tế Hà Nội	100 - 150
		13	Trường CĐ Nghề Việt Nam - Hàn Quốc	100 - 150
		14	Trường CĐ Nghề Việt Xô số 1	50 - 100
		15	Trường CĐ Cơ điện Hà Nội	60 - 100
		15 (ĐH: 08, CĐ: 07); Lưu lượng SV: 14.760 - 15.800		
3	TTGDQP&AN thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	1	Trường ĐH Kinh tế thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	1.300 - 1.400
		2	Trường ĐH Công nghệ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	1.450 - 1.550
		3	Trường ĐH Khoa học tự nhiên thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	1.750 - 1.850
		4	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	1.800 - 1.900
		5	Trường ĐH Ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	1.500 - 1.600
		6	Khoa Y - Dược thuộc Đại học QG Hà Nội	250 - 300
		7	Khoa Luật thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	550 - 600
		8	Khoa Quốc tế thuộc Đại học QG Hà Nội	295 - 350
		9	Trường ĐH Giáo dục thuộc ĐHQG Hà Nội	550 - 600

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		10	Trường ĐH Y tế cộng đồng	300 - 350
		11	Học viện Quản lý giáo dục	150 - 200
		12	Trường ĐH Y Hà Nội	950 - 1.000
		13	Trường ĐH Hòa Bình	1.050 - 1.100
		14	Trường ĐH Nguyễn Trãi	450 - 500
		15	Trường ĐH Công nghệ & Quản lý Hữu nghị	300 - 350
		16	Học Viên Phụ nữ Việt Nam	300 - 350
		17	Trung tâm liên kết FPT GreenWich (thuộc Trường ĐH FPT)	600 - 650
		18	Trường CĐ Kỹ thuật trang thiết bị y tế	100 - 150
		19	Trường CĐ Y tế Hà Nội	500 - 550
		20	Trường CĐ Nghề Bách khoa Hà Nội	2.300 - 2.400
		21	Trường CĐ Nghề Công nghệ cao Hà Nội	800 - 850
		22	Trường CĐ Nghề Trần Hưng Đạo	50 - 100
		23	Trường CĐ Quốc tế Hà Nội	50 - 100
		24	Trường CĐ Y tế Bạch Mai	900 - 1.000
		25	Trường CĐ Sư phạm Trung ương	2.300 - 2.400
		26	Trường CĐ Sư phạm Hòa Bình	250 - 300
		27	Trường CĐ Nghề Sông Đà	450 - 500
		28	Trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Hòa Bình	500 - 550
		29	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Hòa Bình	350 - 400
		30	Trường CĐ Văn hóa, Nghệ thuật Tây Bắc	200 - 250
		30 (ĐH: 13, Khoa, viện thuộc ĐH: 04; CĐ: 13); Lưu lượng SV: 22.295 - 24.200		
4	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội	1	Trường ĐH Công nghiệp Việt - Hung	1.500 - 1.550
		2	Trường ĐH Mỹ thuật Công nghiệp Á Châu	50 - 100
		3	Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	450 - 500
		4	Trường CĐ Giao thông vận tải Trung ương I	525 - 550
		5	Trường CĐ Nghề Bách Khoa	350 - 400
		6	Trường CĐ Phú Châu	350 - 400
		7	Trường CĐ Công thương Hà Nội	610 - 650
		8	Trường CĐ Công nghệ môi trường Hà Nội	750 - 800
		9	Trường CĐ Cộng đồng Hà Nội	700 - 750
		10	Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	670 - 750

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		11	Trường CĐ Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội	50 - 100
		12	Trường CĐ Công nghệ Hà Nội	250 - 300
		13	Trường CĐ Nghề Công nghiệp Hà Nội	50 - 100
		14	Trường CĐ Văn Lang	500 - 550
		15	Trường CĐ Công nghiệp in	180 - 150
		16	Trường CĐ Dược Hà Nội	350 - 400
		17	Trường CĐ Ngoại ngữ và Công nghệ Việt Nam	650 - 700
		18	Trường CĐ Kinh tế - Công Nghệ Hà Nội	200 - 250
		19	Trường CĐ Y Hà Nội	1.000 - 1.100
		20	Trường CĐ Kỹ Thuật - Công Nghệ Bách Khoa Cơ sở 1	450 - 500
		21	Trường CĐ Y Dược Tuệ Tĩnh Hà Nội	300 - 350
		22	Trường CĐ Y Tế Đặng Văn Ngữ	350 - 400
		22 (ĐH: 03, CĐ: 19); Lưu lượng SV: 10.285 - 11.350		
5	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự	1	Trường ĐH Nông lâm Bắc Giang	100 - 150
		2	Trường CĐ Ngô Gia Tự Bắc Giang	100 - 150
		3	Trường CĐ Kỹ thuật Công nghiệp Bắc Giang	100 - 150
		4	Trường CĐ Nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang	100 - 150
		5	Trường CĐ Sư phạm Lạng Sơn	135 - 200
		6	Trường CĐ Y tế Lạng Sơn	200 - 250
		7	Trường CĐ Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc	975 - 1.050
		8	Trường CĐ Nghề Lạng Sơn	220 - 300
		08 (ĐH: 01, CĐ: 07); Lưu lượng SV: 3.130 - 2.400		
6	Trung tâm GDQP&AN thuộc Đại học Thái Nguyên	1	Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp thuộc Đại học Thái Nguyên	2.090 - 2.200
		2	Trường ĐH Nông Lâm thuộc Đại học Thái Nguyên	1.260 - 1.400
		3	Trường ĐH Khoa học thuộc Đại học Thái Nguyên	2.250 - 2.350
		4	Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên	1.600 - 1.700

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		5	Trường ĐH Sư phạm thuộc ĐH Thái Nguyên	680 - 750
		6	Trường ĐHY - Dược thuộc Đại học Thái Nguyên	1.270 - 1.400
		7	Trường ĐH Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc ĐH Thái Nguyên	1.460 - 1.550
		8	Khoa Ngoại ngữ thuộc ĐH Thái Nguyên	715 - 800
		9	Khoa Quốc tế thuộc ĐH Thái Nguyên	200 - 250
		10	Phân hiệu ĐH Thái Nguyên tại Lào Cai	340 - 400
		11	Trường ĐH Việt Bắc	50 - 100
		12	Trường CĐ Văn hóa nghệ thuật Việt Bắc	50 - 100
		13	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật thuộc Đại học Thái Nguyên	1.000 - 1.100
		13 (ĐH: 8, Khoa, Phân hiệu thuộc ĐH: 03; CĐ: 02); Dự kiến lưu lượng SV: 12.965 - 14.100		
7	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Quân khu 1	1	Trường CĐ Công nghiệp Việt Đức	150 - 200
		2	Trường CĐ Cơ khí luyện kim	380 - 450
		3	Trường CĐ Công Thương Thái Nguyên	190 - 250
		4	Trường CĐ Nghề Than - Khoáng sản Việt Nam cơ sở Việt Bắc	100 - 150
		5	Trường CĐ Công nghệ và Kinh tế công nghiệp	600 - 650
		6	Trường CĐ Cộng đồng Bắc Kạn	450 - 500
		7	Trường CĐ Nghề Dân tộc nội trú Bắc Kạn	50 - 100
		8	Trường CĐ Thương mại và Du lịch	50 - 100
		9	Trường CĐ Công Thương Việt Nam	550 - 600
		10	Trường CĐ Sư phạm Cao Bằng	450 - 500
		10 (CĐ: 09, Phân hiệu CĐ: 01); Dự kiến lưu lượng SV: 2.970 - 3.500		
		1	Trường ĐH Thể dục - Thể thao Bắc Ninh	500 - 550
		2	Trường ĐH Kinh Bắc	800 - 850
		3	Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	5.000 - 5.100
		4	Trường ĐH Công nghiệp dệt may Thời trang Hà Nội	1.530 - 1.600
		5	Trường ĐH Mỹ thuật Việt Nam	130 - 200
		6	Trường ĐH Công Nghệ Đông Á	500 - 550

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
8	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	7	Trường ĐH Quốc tế Bắc Hà	300 - 350
		8	Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	460 - 500
		9	Học viện Âm nhạc Quốc gia Hà Nội	150 - 200
		10	Trường ĐH Văn hóa Hà Nội	1.540 - 1.600
		11	Học viện Múa Việt Nam	100 - 150
		12	Trường ĐH Dược Hà Nội	2.000 - 2.100
		13	Trường CĐ Công nghệ Bắc Hà	200 - 250
		14	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật và Thủy Sản	200 - 250
		15	Trường CĐ Ngoại ngữ Công nghệ Việt Nhật	800 - 850
		16	Trường CĐ Công nghiệp Hưng Yên	500 - 550
		17	Trường CĐ Sư phạm Bắc Ninh	100 - 150
		18	Trường CĐ Thống kê	700 - 750
		19	Trường CĐ Nghề Quản lý và Công nghệ	50 - 100
		20	Trường CĐ Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh	500 - 550
		21	Trường CĐ Công nghiệp Bắc Ninh	500 - 550
		22	Trường CĐ Du lịch Hà Nội	1.975 - 2.100
		23	Trường CĐ Nghề Long Biên	500 - 550
		24	Trường CĐ Nghề Kỹ thuật - Mỹ nghệ Việt Nam	500 - 550
		25	Trường CĐ Đường sắt	300 - 350
		26	Trường CĐ Nghề Kỹ thuật Công nghệ	500 - 550
		27	Trường CĐ Y tế Bắc Ninh	500 - 550
		28	Trường CĐ Đại Việt	500 - 550
		29	Trường CĐ Y - Dược Cộng đồng	300 - 350
		30	Trường CĐ Y - Dược Hà Nội	500 - 550
		31	Trường CĐ Lý Thái Tổ	400 - 450
		32	Trường CĐ Viglacera	500 - 550
		32 (ĐH: 12, CĐ: 20); Dự kiến lưu lượng SV: 23.035 - 24.850		
		1	Trường ĐH Tây Bắc	1.065 - 1.150
		2	Trường CĐ Y tế Sơn La	308 - 350

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
9	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Tây Bắc	3	Trường CĐ Kỹ thuật, Công nghệ Sơn La	110 - 150
		4	Trường CĐ Sơn La	250 - 300
		5	Trường CĐ cộng đồng Lai Châu	100 - 150
		6	Trường CĐ Kinh tế Kỹ thuật Điện Biên	180 - 250
		7	Trường CĐ Sư phạm Điện Biên	250 - 300
		8	Trường CĐ Y tế Điện Biên	140 - 200
		9	Trường CĐ Nghề Điện Biên	245 - 300
		09 (ĐH: 01, CĐ: 08); Dự kiến lưu lượng SV: 2.648 - 3.150		
10	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Quân khu 2	1	Học viện Ngoại giao	500 - 550
		2	Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam	400 - 450
		3	Trường ĐH Nội vụ Hà Nội	2.400 - 2.500
		4	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	700 - 750
		5	Trường ĐH Trung Vương	330 - 400
		6	Trường CĐ Thăng Long	150 - 200
		7	Trường CĐ Hùng Vương Hà Nội	400 - 450
		8	Trường CĐ Nghề Thiết kế và Thời trang London	110 - 150
		9	Trường CĐ Cơ khí Nông nghiệp	830 - 900
		10	Trường CĐ Nghề Vĩnh Phúc	420 - 500
		11	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc	260 - 300
		11 (ĐH: 05, CĐ: 06); Dự kiến lưu lượng SV: 6.500 -		
		1	Trường CĐ Công nghiệp quốc phòng	158 - 200
		2	Trường CĐ Sư phạm Yên Bái	120 - 200
		3	Trường CĐ VHNT và Du lịch Yên Bái	180 - 250
		4	Trường CĐ Y tế Yên Bái	220 - 300

Ngày

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
11	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng	5	Trường CD Y Dược Pasteur	1.000 - 1.050
		6	Trường CD Nghề Yên Bái	300 - 350
		7	Trường CD Nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang	110 - 150
		8	Trường CD Cơ điện Phú Thọ	250 - 300
		9	Trường CD Công Thương Phú Thọ	100 - 150
		10	Trường CD Công nghệ và Nông lâm Phú Thọ	100 - 150
		11	Trường CD Y tế Phú Thọ	1.650 - 1.700
		11 (CD: 11); Dự kiến lưu lượng SV: 4.188 - 7.150		
12	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Hùng Vương	1	Trường ĐH Hùng Vương	1.500 - 1.550
		2	Trường ĐH Công nghiệp Việt Trì	1.500 - 1.550
		3	Trường CD Nghề Phú Thọ	1.000 - 1.100
		4	Trường CD Công nghiệp thực phẩm	1.100 - 1.200
		5	Trường CD Kinh tế Kỹ nghệ Thực hành Phú Thọ	100 - 150
		6	Trường CD Lào Cai	1.000 - 1.050
		7	Trường CD Sư phạm Hà Giang	100 - 150
		8	Trường CD Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh Hà Giang	150 - 200
		08 (ĐH: 02, CD: 06); Dự kiến lưu lượng SV: 6.450 - 6.950		
		1	Trường ĐH Sao Đỏ	1.700 - 1.800
		2	Trường ĐH Hải Dương	600 - 650
		3	Trường ĐH Kỹ thuật Y tế Hải Dương	1.500 - 1.550
		4	Trường ĐH Thành Đông	600 - 650
		5	Trường ĐH Tài chính - Quản trị kinh doanh	2.000 - 2.100
		6	Trường ĐH Y khoa Tôkyô Việt Nam	50 - 100
		7	Trường ĐH Sư Phạm Kỹ thuật Hưng Yên	2.000 - 2.100
		8	Trường CD Cơ giới Xây dựng	600 - 650
		9	Trường CD Giao thông vận tải đường thủy 1	200 - 250

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
13	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Quân khu 3	10	Trường CĐ Nghề Hải Dương	250 - 300
		11	Trường CĐ Giao thông vận tải đường bộ	50 - 100
		12	Trường CĐ Dược Trung ương	250 - 300
		13	Trường CĐ Hải Dương	1.000 - 1.100
		14	Trường CĐ Du lịch và Thương mại	250 - 300
		15	Trường CĐ Nghề Thương mại và Công Nghiệp	50 - 100
		16	Trường CĐ Nghề Đại An	50 - 100
		17	Trường CĐ Công Thương Hải Dương	450 - 500
		18	Trường CĐ Y tế Hải Dương	250 - 300
		19	Trường Cao đẳng Y- Dược ASEAN	50 - 100
		20	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Tô Hiệu Hưng Yên	350 - 400
		21	Trường CĐ Cơ điện và Thủy lợi	800 - 850
		22	Trường CĐ Dược Hà Nội	100 - 150
		23	Trường CĐ Nghề Dịch vụ Bảo Sơn	50 - 100
		23 (ĐH: 07, CĐ: 16); Dự kiến lưu lượng SV: 13.200 - 14.550		
14	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	1	Trường ĐH Hàng hải Việt Nam	8.500 - 9.500
		2	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	650 - 700
		3	Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng	100 - 150
		4	Trường CĐ Lao động - Xã hội Hải Phòng	100 - 150
		5	Trường CĐ Nghề Kinh tế, kỹ thuật Bắc Bộ	250 - 300
		6	Trường CĐ Hàng hải I	200 - 250
		7	Trường CĐ Y tế Quảng Ninh	500 - 550
		8	Trường CĐ Việt - Hàn Quảng Ninh	100 - 150
		9	Trường CĐ Than - Khoáng sản Việt Nam	750 - 800
		10	Trường CĐ Nghề VMU	100 - 150
		10 (ĐH: 02, CĐ: 08); Dự kiến lưu lượng SV: 11.250 - 12.700		
		1	Trường ĐH Hải Phòng	8.000 - 8.100
		2	Trường ĐH Dân lập Hải Phòng	650 - 700
		3	Trường ĐH Thái Bình	300 - 350
		4	Trường ĐH Y Dược Thái Bình	850 - 900

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
15	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Hải Phòng	5	Trường ĐH Ngoại thương Hà Nội cơ sở Quảng Ninh	400 - 450
		6	Trường CĐ Giao thông vận tải TW2	150 - 200
		7	Trường CĐ Công nghệ Viettronics	50 - 100
		8	Trường CĐ Công nghiệp Hải phòng	200 - 250
		9	Trường CĐ Bách nghệ Hải Phòng	150 - 200
		10	Trường CĐ Công nghệ, Kinh tế và Thủy sản	350 - 400
		11	Trường CĐ Y tế Hải Phòng	800 - 850
		12	Trường CĐ Cộng đồng Hải Phòng	50 - 100
		13	Trường CĐ Du lịch Hải Phòng	100 - 150
		14	Trường CĐ Công nghiệp và Xây dựng	250 - 300
		15	Trường CĐ Nghề Giao thông cơ điện Quảng Ninh	150 - 200
		16	Trường CĐ Công nghiệp Cẩm Phả	100 - 150
		17	Trường CĐ Y tế Thái Bình	350 - 400
		18	Trường CĐ Nghề Thái Bình	100 - 150
		19	Trường CĐ VH Nghệ thuật Thái Bình	120 - 200
		20	Trường CĐ Nghề Xây dựng Quảng Ninh	100 - 150
		21	Trường CĐ Kỹ Thuật – Công nghệ Bách Khoa Cơ sở 2	50 - 100
		22	Trường CĐ Duyên Hải	50 - 100
		23	Trường CĐ Công Nghệ Bách Khoa Hà Nội Cơ sở Hải Phòng	50 - 100
		23 (ĐH: 04, Phân hiệu ĐH: 01, CĐ: 18); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 13.370 - 14.600		
		1	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	5.000 - 5.100
		2	Trường ĐH Hoa Lư - Ninh Bình	550 - 600
		3	Trường ĐH Dân lập Lương Thế Vinh	100 - 150
		4	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Nam Định	1.500 - 1.600
		5	Trường ĐH Chu Văn An	325 - 400
		6	Trường CĐ Phát thanh truyền hình I	500 - 550
		7	Trường CĐ Thủy lợi Bắc Bộ	100 - 150
		8	Trường CĐ Y tế Hà Nam	100 - 150

nhp

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
16	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	9	Trường CĐ Công nghệ Kinh tế và Chế biến lâm sản	50 - 100
		10	Trường CĐ Nghề Hà Nam	100 - 150
		11	Trường CĐ Cơ điện và Công nghệ Thực phẩm Hà Nội	100 - 150
		12	Trường CĐ Truyền hình	50 - 100
		13	Trường CĐ Sư phạm Hà Tây	349 - 400
		14	Trường CĐ Y tế Ninh Bình	200 - 250
		15	Trường CĐ Cơ giới Ninh Bình	1.500 - 1.600
		16	Trường CĐ Nghề LiLama - 1	50 - 100
		17	Trường CĐ Cơ điện Tây Bắc	500 - 550
		18	Trường CĐ Sư phạm Nam Định	820 - 900
		19	Trường CĐ Xây dựng Nam Định	1.560 - 1.600
		20	Trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Nam Định	50 - 100
		21	Trường CĐ Công nghiệp Dệt May Nam Định	50 - 100
		22	Trường CĐ Công nghiệp Nam Định	350 - 400
		23	Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật Nam Định	100 - 150
		24	Trường CĐ Sư phạm Hưng Yên	100 - 150
		25	Trường CĐ Y tế Hưng Yên	100 - 150
		26	Trường CĐ Cộng Đồng Hưng Yên	100 - 150
		26 (ĐH: 05, CĐ: 21); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 14.304 - 15.800		
17	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Quân khu 4	1	Đại học Hà Tĩnh	1.034 - 1.100
		2	Trường ĐH Công nghiệp Vinh	300 - 350
		3	Trường CĐ Việt - Đức Nghệ An	150 - 200
		4	Trường CĐ Kỹ thuật công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc	3.000 - 3.100
		5	Trường CĐ Du lịch - Thương mại Nghệ An	2.700 - 2.800
		6	Trường CĐ Nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An	150 - 200
		7	Trường CĐ Sư phạm Nghệ An	850 - 900
		8	Trường CĐ Công nghệ Hà Tĩnh	1.676 - 1.750
		9	Trường CĐ Nguyễn Du	950 - 1.000

Nony

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		10	Trường CĐ Y tế Hà Tĩnh	300 - 350
		11	Trường CĐ Kỹ thuật Việt Đức - Hà Tĩnh	800 - 850
		12	Trường CĐ Nghề Quảng Bình	150 - 200
		13	Trường CĐ Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình	170 - 250
		13 (ĐH: 02, CĐ: 11); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 12.230 - 13.050		
18	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Hồng Đức	1	Trường ĐH Hồng Đức	1.390 - 1.500
		2	Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	1.100 - 1.200
		3	Trường ĐH Y Hà Nội Phân hiệu Thanh Hóa	170 - 250
		4	Trường CĐ Y tế Thanh Hóa	1.070 - 1.200
		5	Trường CĐ Nghề Công nghiệp Thanh Hoá	1.670 - 1.800
		6	Trường CĐ Nghề Kinh tế - Công nghệ VICET	50 - 100
		7	Trường CĐ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa	1.060 - 1.150
		8	Trường CĐ Nông Lâm Thanh Hóa	875 - 950
		9	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Công thương	2.790 - 2.850
		10	Trường CĐ Nghề Nghi Sơn	865 - 950
		11	Trường CĐ Y Dược Thăng Long	50 - 100
		12	Trường CĐ Bách khoa Việt Nam	590 - 650
		13	Trường CĐ Y Dược Hợp lực	300 - 350
		13 (ĐH: 02, Phân hiệu ĐH: 01; CĐ: 10); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 11.980 - 13.050		
19	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Vinh	1	Trường ĐH Vinh	2.670 - 2.750
		2	Trường ĐH Y khoa Vinh	1.500 - 1.600
		3	Trường ĐH Công nghệ Vạn Xuân	70 - 100
		4	Trường ĐH Điện lực cơ sở Nghệ An	200 - 250
		5	Trường CĐ Việt - Anh	150 - 200
		6	Trường CĐ Văn hóa - Nghệ thuật Nghệ An	600 - 650
		06 (ĐH: 04, CĐ: 02); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 5.190 - 5.550		

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
20	Trung tâm GDQP&AN thuộc Đại học Huế	1	Trường ĐH Ngoại ngữ thuộc ĐH Huế	6.360 - 6.500
		2	Khoa Luật thuộc ĐH Huế	3.701 - 3.800
		3	Khoa Giáo dục thể chất, ĐH Huế	94 - 150
		4	Khoa Du Lịch thuộc ĐH Huế	3.883- 4.000
		5	Trường ĐH Kinh tế thuộc ĐH Huế	6.574 - 6.700
		6	Trường ĐH Nông lâm thuộc ĐH Huế	5.062 - 5.200
		7	Trường ĐH Nghệ Thuật thuộc ĐH Huế	330 - 400
		8	Trường ĐH Sư phạm thuộc ĐH Huế	4.667 - 4.800
		9	Trường ĐH Khoa học thuộc ĐH Huế	4.581 - 4.700
		10	Trường ĐH Y Dược thuộc ĐH Huế	7.002 - 7.100
		11	Đại học Huế cơ sở Quảng Trị	398 - 450
		12	Trường ĐH Phú Xuân	295 - 350
		13	Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại Thành phố Huế	170 - 250
		14	Phân hiệu Trường ĐH Tài chính Kế toán tại Thừa Thiên Huế	260 - 300
		15	Trường CĐ Sư phạm Quảng Trị	750 - 800
		16	Trường CĐ Nghề Nguyễn Tri Phương	440 - 500
		17	Trường CĐ Nghề Thừa Thiên Huế	254 - 300
		18	Trường CĐ y tế Quảng Trị	100 - 150
		19	Trường CĐ Sư phạm Thừa Thiên Huế	398 - 450
		20	Trường CĐ Công nghiệp Huế	2.999 - 3.100
		21	Trường CĐ Du lịch Huế	615 - 700
		22	Trường CĐ Giao thông vận tải Huế	86 - 150
		22 (ĐH: 9, Khoa thuộc ĐH: 03, Phân viện ĐH: 02; CĐ: 08); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 49.019 - 50.850		
		1	Trường ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	2.050 - 2.150
		2	Trường ĐH Đông Á	2.900 - 3.000
		3	Trường ĐH Kỹ thuật Y dược Đà Nẵng	800 - 850
		4	Trường ĐH Bách Khoa thuộc ĐH Đà Nẵng	3.000 - 3.100
		5	Trường ĐH Kinh tế thuộc ĐH Đà Nẵng	3.800 - 3.900
		6	Trường ĐH Ngoại Ngữ thuộc ĐH Đà Nẵng	1.800 - 1.900

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
21	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Quân khu 5	7	Khoa Y - dược thuộc ĐH Đà Nẵng	250 - 300
		8	Viện nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh thuộc ĐH Đà Nẵng	220 - 300
		9	Phân hiệu Trường ĐH Công nghiệp TP HCM tại Quảng Ngãi	270 - 300
		10	Trường ĐH Tài chính - Kế toán	850 - 900
		11	Trường ĐH Quang Trung	1.230 - 1.300
		12	Trường ĐH Công nghệ Thông tin và truyền thông Việt - Hàn thuộc ĐH Đà Nẵng	1.500 - 1.600
		13	Trường CĐ Giao thông vận tải Trung ương V	500 - 550
		14	Trường CĐ Lương thực, thực phẩm	300 - 350
		15	Trường CĐ Nghề Đà Nẵng	1.200 - 1.300
		16	Trường CĐ Quảng Ngãi	300 - 350
		17	Trường CĐ Kỹ nghệ Dung Quất	350 - 400
		18	Trường CĐ Cơ giới	165 - 200
		19	Trường CĐ Y tế Đặng Thùy Trâm	316 - 350
		20	Trường CĐ Công thương TPHCM - cơ sở Quảng Ngãi	420 - 500
		21	Trường CĐ Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	50 - 100
		22	Trường CĐ Bình Định	756 - 800
		23	Trường CĐ Y tế Bình Định	600 - 650
		24	Trường CĐ Cơ điện - Xây dựng và Nông lâm Trung Bộ	342 - 400
		25	Trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	450 - 500
		25 (ĐH: 9, Khoa, viện thuộc ĐH: 02, Phân hiệu ĐH: 01, CĐ: 12, Phân hiệu CĐ: 01); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 24.419 - 26.050		
		1	Trường ĐH Thể dục - Thể thao Đà Nẵng	400 - 450
		2	Trường ĐH Sư phạm thuộc ĐH Đà Nẵng	450 - 500
		3	Trường ĐH Phan Chu Trinh	230 - 300
		4	Trường ĐH Nội vụ cơ sở miền trung	200 - 250
		5	Trường ĐH sư phạm kỹ thuật thuộc ĐH Đà Nẵng	50 - 100

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
22	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học TDTT Đà Nẵng	6	Trường ĐH Duy Tân	8.000 - 8.100
		7	Phân hiệu Trường ĐH FPT Đà Nẵng	600 - 650
		8	Trường CĐ Thực hành FPT Polytechnic cơ sở Đà Nẵng	500 - 550
		9	Trường CĐ Bách khoa Đà Nẵng	250 - 300
		10	Trường CĐ Đại Việt Đà Nẵng	50 - 100
		11	Trường CĐ Phương Đông Đà Nẵng	400 - 450
		12	Trường CĐ Lạc Việt	50 - 100
		13	Trường CĐ Du lịch Đà Nẵng	900 - 950
		14	Trường CĐ Công nghệ Y - Dược Việt Nam	250 - 300
		15	Trường CĐ Nghề Hoa sen cơ sở Đà Nẵng	50 - 100
		16	Trường CĐ Nguyễn Văn Trỗi	50 - 100
		17	Trường CĐ Nghề Việt - Úc	50 - 100
		18	Trường CĐ Điện lực Miền Trung	50 - 100
		19	Trường CĐ Phương đông Quảng Nam	50 - 100
		20	Trường CĐ Công Nghệ Quảng Nam	50 - 100
		21	Trường CĐ ThaCo	50 - 100
		22	Trường CĐ Công nghệ Kinh tế và Thủy lợi Miền Trung	50 - 100
		23	Trường CĐ Quốc tế Pegasus	50 - 100
		24	Trường CĐ Quốc tế Sài Gòn	50 - 100
		25	Trường CĐ Thương mại	2.000 - 2.100
		26	Trường CĐ Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng	500 - 550
		27	Trường CĐ Tâm Trí	100 - 150
		27 (ĐH: 05, Phân hiệu ĐH: 02, CĐ: 18, Phân hiệu CĐ: 02); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 15.430 - 16.900		
23	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Sĩ quan Thông Tin	1	Trường ĐH Thái Bình Dương	400 - 450
		2	Trường ĐH Phú Yên	200 - 250
		3	Trường ĐH Xây dựng Miền Trung	300 - 350
		4	Học viện Ngân hàng Phân viện Phú Yên	200 - 250
		5	Trường CĐ Kỹ thuật, Công nghệ Nha Trang	320 - 400

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		6	Trường CĐ Du lịch Nha Trang	900 - 950
		7	Trường CĐ Y Dược Nha Trang	100 - 150
		8	Trường CĐ Sư phạm Trung ương Nha Trang	350 - 400
		9	Trường CĐ Nghề Phú Yên	200 - 250
		10	Trường CĐ Y tế Phú Yên	100 - 150
		11	Trường CĐ Công thương miền Trung	720 - 800
		11 (ĐH: 03, Phân viện ĐH: 01, CĐ: 07); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 3.790 - 4.400		
24	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Nha Trang	1	Trường ĐH Nha Trang	3.500 - 3.600
		2	Trường ĐH Khánh Hòa	800 - 850
		3	Trường ĐH Nông Lâm TP Hồ Chí Minh Phân hiệu Ninh Thuận	250 - 300
		4	Trường CĐ Y tế Khánh Hòa	540 - 600
		5	Trường CĐ Sư phạm Ninh Thuận	250 - 300
		6	Trường CĐ Nghề Ninh Thuận	820 - 900
		06 (ĐH: 02, Phân hiệu ĐH: 01, CĐ: 03); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 6.160 - 6.550		
25	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Tây Nguyên	1	Trường ĐH Tây Nguyên	1.970 - 2.100
		2	Trường ĐH Buôn Ma Thuột	290 - 350
		3	Trường ĐH Đông Á cơ sở tại Đắk Lắk	100 - 150
		4	Trường ĐH Luật Hà Nội Phân hiệu tại Đắk Lắk	170 - 250
		5	Trường ĐH Đông Á cơ sở tại Gia Lai	100 - 150
		6	Phân hiệu Trường ĐH Nông lâm TP Hồ Chí Minh tại Gia Lai	400 - 450
		7	Phân hiệu ĐH Đà Nẵng tại Kon Tum	425 - 500
		8	Trường CĐ Y - Dược Việt Nam cơ sở Đắk Lắk	150 - 200
		9	Trường CĐ Y tế Đắk Lắk	320 - 400
		10	Trường CĐ Văn hóa - Nghệ Thuật Đắk Lắk	90 - 150
		11	Trường CĐ Sư phạm Đắk Lắk	210 - 250
		12	Trường CĐ Công nghệ Tây Nguyên	590 - 650
		13	Trường CĐ Kỹ thuật Đắk Lắk	350 - 400
		14	Trường CĐ Thực hành FPT Polytechnic cơ sở Tây Nguyên	380 - 450

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		15	Trường CD Công Thương Việt Nam cơ sở Đắk Lắk	150 - 200
		16	Trường CD Nghề Gia Lai	50 - 100
		17	Trường CD Sư phạm Gia Lai	380 - 450
		18	Trường CD Cộng đồng Kon Tum	150 - 200
		19	Trường CD Bách Khoa Tây Nguyên	50 - 100
		20	Trường CD Cộng đồng Đắk Nông	380 - 450
		20 (ĐH: 02, Phân hiệu ĐH: 05; CĐ: 10, Phân hiệu CĐ: 03); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 6.705 - 7.950		
26	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Quân khu 7	1	Trường ĐH Ngoại ngữ Tin học	4.000 - 4.100
		2	Trường ĐH Sư phạm TDTT Thành phố Hồ Chí Minh	310 - 350
		3	Trường ĐH Lao động - Xã hội cơ sở II TP Hồ Chí Minh	1.000 - 1.100
		4	Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP Hồ Chí Minh	2.500 - 2.600
		5	Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng	3.460 - 3.600
		6	Trường ĐH Tài nguyên - Môi trường TP Hồ Chí Minh	1.000 - 1.100
		7	Trường ĐH Công nghệ Miền Đông	400 - 450
		8	Phân hiệu Trường ĐHLâm nghiệp tại Đồng Nai	700 - 750
		9	Trường ĐH Kinh tế - Công Nghiệp Long An	1.000 - 1.100
		10	Trường ĐH Tư Thục Tân Tạo	50 - 100
		11	Trường ĐH Văn Hiến	2.500 - 2.600
		12	Trường ĐH Quốc tế RMits	1.500 - 1.600
		13	Học Viện Phụ nữ cơ sở TP Hồ Chí Minh	100 - 150
		14	Trường ĐH Nội vụ cơ sở TP Hồ Chí Minh	680 - 750
		15	Trường ĐH Công nghệ Sài Gòn	1.400 - 1.500
		16	Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Miền Nam	50 - 100
		17	Trường ĐH Yesin Đà Lạt	1.000 - 1.100
		18	Trường ĐHKiến trúc TP Hồ Chí Minh cơ sở Đà Lạt	400 - 450

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		19	Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật TP Hồ Chí Minh	350 - 400
		20	Trường CĐ Phát thanh Truyền hình II	240 - 300
		21	Trường CĐ Điện Lực TP Hồ Chí Minh	240 - 300
		22	Trường CĐ Sài Gòn	200 - 250
		23	Trường CĐ Lý Tự Trọng TP Hồ Chí Minh	4.750 - 4.850
		24	Trường CĐ Y Dược Sài Gòn	100 - 150
		25	Trường CĐ Quốc tế Cetana Psb Intellis	50 - 150
		26	Trường CĐ Quốc tế KENT	60 - 150
		27	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh	200 - 250
		28	Trường CĐ Bán công Công nghệ Quản trị doanh nghiệp	200 - 250
		29	Trường CĐ Giao thông Vận tải Trung ương III	1.000 - 1.100
		30	Trường CĐ Viễn Đông	1.000 - 1.100
		31	Trường CĐ Mỹ thuật trang trí Đồng Nai	150 - 200
		32	Trường CĐ Y tế Đồng Nai	700 - 750
		33	Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi	400 - 450
		34	Trường CĐ Nghề khu vực Long Thành - Nhơn Trạch	400 - 450
		35	Trường CĐ Kinh tế TP Hồ Chí Minh	2.500 - 2.600
		36	Trường CĐ Y - Dược Hồng Đức	200 - 250
		37	Trường CĐ Nghề Long An	600 - 650
		38	Trường CĐ Kinh tế Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh	1.000 - 1.100
		39	Trường CĐ Công Thương Việt Nam cơ sở TP Hồ Chí Minh	300 - 350
		40	Trường CĐ Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc	300 - 350
		41	Trường CĐ Y tế Lâm Đồng	470 - 550

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		42	Trường CĐ Nghề Đà Lạt	900 - 1.000
		43	Trường CĐ Du lịch Đà Lạt	100 - 150
		44	Trường CĐ Sư phạm Đà Lạt	1.000 - 1.100
		45	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Lâm Đồng	800 - 850
		45 (ĐH: 13, Phân hiệu ĐH: 05; CĐ: 26, Phân hiệu CĐ: 01); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 40.260 - 43.550		
27	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Bộ Tư lệnh TP HCM	1	Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại TP Hồ Chí Minh	100 - 150
		2	Trường ĐH Hoa Sen	3.500 - 3.600
		3	Trường ĐH Kinh tế - Tài chính TP Hồ Chí Minh	2.790 - 2.900
		4	Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh TP Hồ Chí Minh	220 - 300
		5	Nhạc viện TP Hồ Chí Minh	310 - 350
		6	Học viện Kỹ thuật Mật mã (cơ sở phía nam)	720 - 800
		7	Trường ĐH Gia Định	1.100 - 1.150
		8	Trường ĐH Phan Thiết	1.315 - 1.400
		9	Trường CĐ Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ	600 - 650
		10	Trường CĐ Nghề Tây Ninh	150 - 200
		11	Trường CĐ Sư phạm Trung ương TP Hồ Chí Minh	600 - 650
		12	Trường CĐ Nghề TP Hồ Chí Minh	800 - 850
		13	Trường CĐ Việt Mỹ	600 - 650
		14	Trường CĐ Đại Việt Sài Gòn	400 - 450
		15	Trường CĐ Quốc tế TP Hồ Chí Minh	1.000 - 1.100
		16	Trường CĐ Nghề Du lịch Sài Gòn	1.000 - 1.100
		17	Trường CĐ Kỹ thuật Cao Thắng	4.500 - 4.600
		18	Trường CĐ Thủ Thiêm TP Hồ Chí Minh	750 - 800
		19	Trường CĐ Kỹ nghệ II	1.500 - 1.600
		20	Trường CĐ Công Nghệ Quốc tế LILAMA - 2	200 - 250
		21	Trường CĐ Nghề Công nghệ cao Đồng Nai	400 - 450
		22	Trường CĐ Nghề Công nghệ và quản trị SONADEZI	500 - 550

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		23	Trường CD Kỹ thuật Công Nghệ LADEC	500 - 550
		24	Trường CD Dược Sài Gòn	450 - 500
		25	Trường CD Kinh tế - Kỹ thuật Miền Nam	1.500 - 1.600
		26	Trường CD Sài Gòn Gia Định	200 - 250
		27	Trường CD Y khoa Phạm Ngọc Thạch cơ sở TP Hồ Chí Minh	300 - 350
		28	Trường CD Y Dược PASTEUR	400 - 450
		29	Trường CD Cộng đồng Bình Thuận	400 - 450
		30	Trường CD Y tế Bình Thuận	300 - 350
		31	Trường CD Nghề Bình Thuận	400 - 450
		32	Trường CD Dược Hà Nội (cs Bình Thuận)	50 - 100
		32 (ĐH: 06, Phân hiệu ĐH: 02; CD: 22, Phân hiệu CD: 02); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 27.555 - 29.600		
28	Trung tâm GDQP&AN thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	1	Trường ĐH Bách khoa thuộc ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh	5.000 - 5.100
		2	Trường ĐH Công nghệ thông tin thuộc ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh	1.700 - 1.800
		3	Trường ĐH Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh	2.020 - 2.100
		4	Trường ĐH Quốc tế thuộc ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh	1.000 - 1.100
		5	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên thuộc ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh	900 - 1.000
		6	Trường ĐH Khoa học xã hội và nhân văn thuộc ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh	4.000 - 4.100
		7	Khoa Y thuộc ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh	300 - 350
		8	Trường ĐH Nông Lâm TP Hồ Chí Minh	4.215 - 4.300
		9	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn Thông	700 - 750
		10	Trường ĐH Văn hóa TP Hồ Chí Minh	3.000 - 3.100
		11	Trường ĐH Kiến trúc TP Hồ Chí Minh	1.500 - 1.600
		12	Trường ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh	5.000 - 5.100

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		13	Trường ĐH Luật TP Hồ Chí Minh	2.100 - 2.200
		14	Trường ĐH Việt Đức	1.500 - 1.600
		15	Trường ĐH Đồng Nai	1.700 - 1.800
		16	Trường ĐH Công nghệ Đồng Nai	1.200 - 1.300
		17	Trường ĐH Ngân Hàng	3.000 - 3.100
		18	Trường ĐH Mỹ thuật TP Hồ Chí Minh	200 - 250
		19	Trường ĐH Văn Lang	1.000 - 1.100
		20	Học viện Hàng không Việt Nam	500 - 550
		21	Học viện Cán bộ TP Hồ Chí Minh	500 - 550
		22	Trường CĐ An ninh mạng ISPACE	400 - 450
		23	Trường CĐ Công Nghệ Cao Đồng An	500 - 550
		24	Trường CĐ Xây dựng TP Hồ Chí Minh	1.000 - 1.100
		25	Trường CĐ thực hành FPT Polytechnic Cơ sở TP Hồ Chí Minh	1.500 - 1.600
		26	Trường CĐ Lê Quý Đôn	500 - 550
		27	Trường CĐ Thống kê II	400 - 450
		28	Trường CĐ Nghề Đồng Nai	500 - 550
		29	Trường CĐ Hàng hải II	200 - 250
		30	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức	200 - 250
		31	Trường CĐ Hòa Bình Xuân Lộc	400 - 450
		31 (ĐH: 20, Khoa thuộc ĐH: 01; CĐ: 09, Phân viện CĐ: 01); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 46.635 - 49.050		
		1	Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn	500 - 550
		2	Trường ĐH Ngoại thương - Cơ sở II	1.100 - 1.200
		3	Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch	1.500 - 1.600
		4	Trường ĐH Hùng Vương TP Hồ Chí Minh	600 - 650
		5	Trường ĐH Mở địa chất cơ sở Vũng Tàu	400 - 450
		6	Trường ĐH Quốc tế Miền Đông	1.000 - 1.100
		7	Phân hiệu Trường ĐH Thủy lợi tại Bình Dương, TP Hồ Chí Minh	600 - 650
		8	Trường ĐH Việt Đức	500 - 550

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
29	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Quân đoàn 4	9	Trường ĐH Bà Rịa - Vũng Tàu	1.000 - 1.100
		10	Trường ĐH Dầu khí Việt Nam	200 - 250
		11	Trường ĐH Thủ Dầu Một	3.000 - 3.100
		12	Trường CĐ Giao thông vận tải Trung ương VI	600 - 650
		13	Trường CĐ Kinh tế Công nghệ TP Hồ Chí Minh	600 - 650
		14	Trường CĐ Công nghệ thông tin TP Hồ Chí Minh	100 - 150
		15	Trường CĐ Giao thông vận tải đường thủy II	300 - 350
		16	Trường CĐ Công Nghiệp Cao su	700 - 750
		17	Trường CĐ Nghề Bình Phước	300 - 350
		18	Trường CĐ Y tế Bình Phước	500 - 550
		19	Trường CĐ Kỹ thuật công nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu	1.000 - 1.100
		20	Trường CĐ Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu	1.000 - 1.100
		21	Trường CĐ Dầu Khí	200 - 250
		22	Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	700 - 750
		23	Trường CĐ Quốc tế Vabis	150 - 200
		24	Trường CĐ Nghề Khách sạn du lịch Quốc tế Imperial	100 - 150
		25	Trường CĐ Y tế Bình Dương	650 - 700
		26	Trường CĐ Nghề Việt Nam - Singapore	700 - 750
		27	Trường CĐ Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ	400 - 450
		28	Trường CĐ Kỹ thuật Thiết bị y tế Miền Nam	25 - 100
		29	Trường CĐ Việt Nam - Hàn Quốc Bình Dương	600 - 650
		30	Trường CĐ Đường sắt phía Nam	400 - 450
		31	Trường CĐ Bách Khoa Nam Sài Gòn	500 - 550
		31 (ĐH: 8, Phân hiệu ĐH: 03; CĐ: 20); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 19.925 - 21.850		
		1	Trường ĐH Tây Đô	1.500 - 1.600
		2	Trường ĐH Kiến trúc TP Hồ Chí Minh cơ sở Cần Thơ	1.700 - 1.800
		3	Trường ĐH Bình Dương Phân hiệu Cà Mau	100 - 150
		4	Trường ĐH Bạc Liêu	2.264 - 2.400
		5	Trường CĐ Nghề Sóc Trăng	345 - 400



Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
30	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường quân sự Quân khu 9	6	Trường CĐ Cộng đồng Sóc Trăng	735 - 800
		7	Trường CĐ Nghề Bạc Liêu	260 - 300
		8	Trường CĐ Y tế Bạc Liêu	240 - 300
		9	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu	190 - 250
		10	Trường CĐ Cộng đồng Cà Mau	345 - 400
		11	Trường CĐ Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau	525 - 600
		12	Trường CĐ Y tế Cà Mau	600 - 650
		12 (ĐH: 02, Phân hiệu ĐH: 02; CĐ: 08); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 8.804 - 9.650		
31	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Cần Thơ	1	Trường ĐH Cần Thơ	9.000 - 9.100
		2	Trường ĐH FPT cơ sở Cần Thơ	1.500 - 1.600
		3	Trường ĐH Y - Dược Cần Thơ	2.500 - 2.600
		4	Trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	1.500 - 1.600
		5	Trường CĐ Y tế Cần Thơ	1.500 - 1.600
		6	Trường CĐ Cộng đồng Hậu Giang	300 - 350
		7	Trường CĐ Y tế Đồng Tháp	940 - 1.000
		8	Trường CĐ Du lịch Cần Thơ	200 - 250
		9	Trường CĐ Nghề Việt Mỹ	60 - 100
		10	Trường CĐ Thực hành FPT Polytechnic cơ sở Cần Thơ	1.500 - 1.600
		11	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	1.500 - 1.600
		12	Trường CĐ Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ	700 - 750
		13	Trường CĐ Nghề Cần Thơ	3.500 - 3.600
		14	Trường CĐ Kinh tế đối ngoại cơ sở Cần Thơ	200 - 250
		15	Trường CĐ Cần Thơ	1.500 - 1.600
		16	Trường CĐ VH Nghệ thuật Cần Thơ	150 - 200
		17	Trường CĐ Nghề An Giang	600 - 650
		18	Trường CĐ Y tế An Giang	330 - 400
		19	Trường CĐ Sư phạm Kiên Giang	200 - 250
		20	Trường CĐ Y tế Kiên Giang	710 - 750
		21	Trường CĐ Nghề Kiên Giang	1.010 - 1.050
		22	Trường CĐ Kiên Giang	1.590 - 1.700

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		23	Trường CĐ Công Nghệ Sài Gòn	300 - 350
		23 (ĐH: 03, Phân hiệu ĐH: 01; CĐ: 17, Phân hiệu CĐ: 02); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 31.290 - 32.950		
32	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Trà Vinh	1	Trường ĐH Trà Vinh	3.700 - 3.800
		2	Trường ĐH Xây dựng Miền Tây	700 - 750
		3	Trường ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh Phân hiệu Vĩnh Long	100 - 150
		4	Trường CĐ Y tế Trà Vinh	350 - 400
		5	Trường CĐ Nghề Trà Vinh	350 - 400
		6	Trường CĐ Đồng Khởi	450 - 500
		7	Trường CĐ Y tế Tiền Giang	750 - 800
		8	Trường CĐ Tiền Giang	850 - 900
		9	Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ	600 - 650
		10	Trường CĐ Kinh tế - Tài chính Vĩnh Long	550 - 600
		11	Trường CĐ Nghề Vĩnh Long	350 - 400
		12	Trường CĐ Sư phạm Vĩnh Long	150 - 200
		12 (ĐH: 02, Phân hiệu ĐH: 01, CĐ: 9); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 8.900 - 9.550		

